

NGHỊ QUYẾT
Về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021- 2025
nguồn vốn ngân sách tỉnh phân cấp thành phố quản lý

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ
KHOÁ XII, KỲ HỌP THỨ BA

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 ;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Theo Tờ trình số 147/TTr-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Rạch Giá về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025 nguồn vốn ngân sách tỉnh phân cấp thành phố quản lý; Báo cáo thẩm tra số 30/BC-HĐND ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến của Đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, nguồn vốn ngân sách tỉnh phân cấp thành phố quản lý; cụ thể như sau:

- Tổng số bố trí mới 19 công trình, tổng vốn 258.153 triệu đồng, trong đó:
- + Lĩnh vực Giao thông – công cộng: 09 công trình, vốn 128.832 triệu đồng.
- + Lĩnh vực Giáo dục: 10 công trình, vốn 129.321 triệu đồng.

(Kèm theo bảng danh mục chi tiết)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân thành phố giao Ủy ban nhân dân thành phố hoàn chỉnh các hồ sơ, thủ tục và tổ chức triển khai thực hiện các bước tiếp theo của các Dự án theo đúng quy định của Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Ủy ban nhân dân thành phố Rạch Giá và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Rạch Giá khóa XII, Kỳ họp thứ Ba thông qua ngày 07 tháng 10 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh đơn vị TP Rạch Giá;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- Lãnh đạo UBND thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- Các Ban HĐND thành phố;
- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- Thường trực HĐND 12 phường, xã;
- UBND 12 phường, xã;
- Lưu.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Nhỏ



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC VÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN NĂM 2021-2025
NGUỒN VỐN NGÂN TỈNH PHÂN CẤP THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ QUẢN LÝ

Đơn vị: Triệu đồng

(Kèm theo Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 08 tháng 10 năm 2021 của HĐND thành phố Rạch Giá)

Giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025																	
STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025								Ghi chú
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Nhu cầu đầu tư 5 năm giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Kế hoạch năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Kế hoạch năm 2025		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	$11=12+13+14+15+16$	12	13	14	15	16	17	
	TỔNG SỐ			258.153	258.153		258.153	258.153	258.153	258.153	45.071	55.000	56.938	50.600	50.544		
	<i>Dự án khởi công mới trong giai đoạn năm 2021 - 2025</i>			258.153	258.153		258.153	258.153	258.153	258.153	45.071	55.000	56.938	50.600	50.544		
1	LĨNH VỰC GIAO THÔNG - CÔNG CỘNG			128.832	128.832		128.832	128.832	128.832	128.832	28.071	29.000	23.217	27.000	21.544		
1	Nâng cấp, cải tạo công viên Nguyễn Trung Trục	7886361	17; 08/6/2020	12.294	12.294	814; 30/10/2020	12.294	12.294	12.294	12.294	12.294						
2	Công viên ven Kè Kênh Nhánh (đoạn từ đường Nguyễn Trung Trục đến đường 3 tháng 2) - Giai đoạn 1	7889533	17; 08/6/2020	12.000	12.000	815; 30/10/2020	12.000	12.000	12.000	12.000		4.000	8.000				
3	Kè đường Nguyễn Thái Học và Kè đường Trần Hưng Đạo (từ Cầu Kênh Nhánh đến Công Kênh Nhánh)	7873598	17; 08/6/2020	32.994	32.994	784; 30/10/2020	32.994	32.994	32.994	32.994	15.777	15.000	2.217				
4	Dương Đồng Đa (đoạn từ đường Nguyễn Trạc đến đường Ngô Quyền)		32; 08/10/2021	7.000	7.000		7.000	7.000	7.000	7.000		3.000	2.000	2.000			
5	Hệ thống thoát nước Dương Nguyễn Chí Thanh (đoạn từ đường Mai Hồng Hạnh đến cầu Vân)		32; 08/10/2021	4.000	4.000		4.000	4.000	4.000	4.000		2.000	1.000	1.000			
6	Dương Huỳnh Tấn Phát (đoạn từ đường Sư Thiện Ân đến kênh Lăng Cai)		32; 08/10/2021	13.000	13.000		13.000	13.000	13.000	13.000			2.000	2.500	8.500		

Giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025																
STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Nhu cầu đầu tư 5 năm giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025						Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Kế hoạch năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Kế hoạch năm 2025	
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11-12-13-14-15-16	12	13	14	15	16	17
7	Đường Võ Trường Toản (đoạn từ đường Tú Xương đến Công số 1)		32; 08/10/2021	26.044	26.044		26.044	26.044	26.044	26.044			3.000	10.000	13.044	
8	Mở rộng đường Nguyễn Bình Khiêm và đường Võ Trường Toản (giáp khu đến tương niên)		32; 08/10/2021	14.500	14.500		14.500	14.500	14.500	14.500		3.000	3.000	8.500		
9	Đường Huỳnh Mãn Đạt (đoạn từ đường Âu Cơ đến đường Lạc Hồng)		32; 08/10/2021	7.000	7.000		7.000	7.000	7.000	7.000		2.000	2.000	3.000		
11	LĨNH VỰC GIÁO DỤC			129.321	129.321		129.321	129.321	129.321	129.321	17.000	26.000	33.721	23.600	29.000	
1	Trường tiểu học Nguyễn Bá Ngọc		17; 08/6/2020	13.999	13.999	816; 30/10/2020	13.999	13.999	13.999	13.999	3.000	5.000	5.999			
2	Trường THCS Võ Nguyên Giáp		17; 08/6/2020	14.731	14.731	817; 30/10/2020	14.731	14.731	14.731	14.731	4.000	5.000	5.731			
3	Trường Mẫu giáo Măng Non		17; 08/6/2020	7.506	7.506	818; 30/10/2020	7.506	7.506	7.506	7.506	3.000	3.000	1.506			
4	Trường tiểu học Hồng Bàng		17; 08/6/2020	11.993	11.993	819; 30/10/2020	11.993	11.993	11.993	11.993	3.000	5.000	3.993			
5	Trường tiểu học Lê Thị Hồng Gấm		17; 08/6/2020	14.492	14.492	820; 30/10/2020	14.492	14.492	14.492	14.492	4.000	5.000	5.492			
6	Trường mầm non Hoa Hồng		32; 08/10/2021	14.600	14.600		14.600	14.600	14.600	14.600		3.000	3.000	8.600		
7	Trường THCS Phan Huy Chú		32; 08/10/2021	14.800	14.800		14.800	14.800	14.800	14.800			2.000	3.000	9.800	
8	Trường tiểu học Trần Bình Trọng		32; 08/10/2021	10.200	10.200		10.200	10.200	10.200	10.200			2.000	3.000	5.200	
9	Trường tiểu học Trần Nhật Duật		32; 08/10/2021	12.200	12.200		12.200	12.200	12.200	12.200			2.000	4.000	6.200	
10	Trường tiểu học Nguyễn Huệ		32; 08/10/2021	14.800	14.800		14.800	14.800	14.800	14.800			2.000	5.000	7.800	